

DANH SÁCH 502 HỘ GIA ĐÌNH CỦA TỔ 30
ĐƯỢC TẶNG DANH HIỆU “GIA ĐÌNH VĂN HÓA” NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của Chủ tịch UBND phường)

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
1.	Đỗ Văn Tụ	
2.	Nguyễn Văn Nam	
3.	Nguyễn Hữu Trâm	
4.	Nguyễn Xuân Huy	
5.	Tạ Văn Phương	
6.	Hồ Ngọc Thanh	
7.	Tạ Thị Vân	
8.	Võ Thị Mười	
9.	Tạ Thiên Tài	
10.	Lương Thị Kim Cúc	
11.	Huỳnh Thị Hương	
12.	Nguyễn Thị Bích Thủy	
13.	Nguyễn Thôn	
14.	Nguyễn Thị Anh Lai	
15.	Nguyễn Tấn Quyên	
16.	Nguyễn Tấn Nghị	
17.	Nguyễn Hồng Nghĩa	
18.	Nguyễn Hồng Nhân	
19.	Đinh Thị Thúy Hồng	
20.	Nguyễn Tấn Đức	
21.	Nguyễn Tấn Quang	
22.	Ngô Thành Tụ	
23.	Lê Quang Minh	
24.	Nguyễn Thị Nhiên	
25.	Cao Văn Khoa	
26.	Nguyễn Tỹ	
27.	Nguyễn Ánh Dương	
28.	Nguyễn Thị Minh Ngọc	
29.	Bùi Anh Tuấn	
30.	Phạm Thị Bảy	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
31.	Đỗ Hà Phương	
32.	Đinh Văn Sang	
33.	Phạm Lê Ân	
34.	Nguyễn Thị Minh Thân	
35.	Ngô Thị Thái Thanh	
36.	Nguyễn Lộc	
37.	Nguyễn Lâm	
38.	Nguyễn Trường	
39.	Trần Xuân Nam	
40.	Bảo Tùng	
41.	Bảo Tuân	
42.	Nguyễn Nhân	
43.	Phạm Thị Thu Hảo	
44.	Phạm Thị Thanh Huyền	
45.	Trần Văn Công	
46.	Nguyễn Màng	
47.	Nguyễn Thị Đạt	
48.	Hồ Ngọc Tuấn	
49.	Nguyễn Thị Ngọc Thùy	
50.	Đào Phạm Song Toàn	
51.	Nguyễn Trung Lôi	
52.	Nguyễn Văn Lương	
53.	Lý Kim Hoàng	
54.	Đặng Văn Dũng	
55.	Đỗ Vũ Minh Tuấn	
56.	Nguyễn Phước Bình	
57.	Trần Minh Sang	
58.	Nguyễn Trung Hận	
59.	Ao Văn Thơm	
60.	Trần Kim Hồng	
61.	Trương Thị Yên Ly	
62.	Đặng Ngọc Ân	
63.	Phan Thanh Tiến	
64.	Nguyễn Huy Chương	
65.	Phạm Quang Dư	
66.	Tạ Văn Trí	
67.	Trịnh Tuấn Sỹ	
68.	Phan Đình Đạt	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
69.	Nguyễn Đăng Quyền	
70.	Võ Thị Hơ	
71.	Nguyễn Văn Minh	
72.	Ngô Hữu Dư	
73.	Huỳnh Văn Viện	
74.	Ngô Quốc Thương	
75.	Tạ Thành	
76.	Ngô Duy An	
77.	Ngô Tấn Bảo	
78.	Nguyễn Thanh Tuấn	
79.	Ngô Đức Khải	
80.	Hồ Công Phương	
81.	Trần Thị Minh Phụng	
82.	Ngô Thị Công	
83.	Ngô Công Hoàn	
84.	Phan Thị Bích Thoa	
85.	Huỳnh Thị Hương	
86.	Ngô Đức Khiêm	
87.	Ngô Văn Tu	
88.	Trần Quang Bình	
89.	Bùi Văn Trình	
90.	Lê Tấn Quốc	
91.	Huỳnh Thanh Trà	
92.	Nguyễn Văn Tân	
93.	Lê Thị Chín	
94.	Nguyễn Văn Tồn	
95.	Nguyễn Thị Phương Lan	
96.	Hồ Thị Thu Nguyệt	
97.	Võ Thị Kim Anh	
98.	Huỳnh Tấn Vinh	
99.	Phan Từ Bình Dương	
100.	Phan Thuận	
101.	Trương Quốc Đậu	
102.	Trương Quang Linh	
103.	Võ Văn Thạch	
104.	Ngô Văn Tươi	
105.	Nguyễn Thị Thi	
106.	Trương Quang Cường	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
107.	Hồ Văn Đông	
108.	Trần Thị Hà	
109.	Võ Tấn Khiêm	
110.	Lê Thị Mỹ Dung	
111.	Huỳnh Tấn Hy	
112.	Nguyễn Văn Dũng Tiến	
113.	Võ Thị Thu Thanh	
114.	Trương Văn Dũng	
115.	Nguyễn Độ	
116.	Ngô Tuyển	
117.	Trần Đức Khái	
118.	Đoàn Văn Chương	
119.	Đoàn Lê Hưng	
120.	Đào Nhân Nhượng	
121.	Võ Đình Tú	
122.	Hồ Quốc Huy	
123.	Dương Thành Hiếu	
124.	Ngô Thị Hội	
125.	Ngô Thanh Bình	
126.	Tạ Đình Sĩ	
127.	Nguyễn Thị Thúy Vân	
128.	Võ Sơn Lam	
129.	Nguyễn Thị Quế	
130.	Trần Như Hoàng	
131.	Nguyễn Văn Trường	
132.	Nguyễn Thị Tài	
133.	Nguyễn Thị Xuân	
134.	Nguyễn Thị Lệ Thúy	
135.	Nguyễn Hoàng Anh	
136.	Huỳnh Vinh Quang	
137.	Tạ Huy Nhân	
138.	Nguyễn Thiên Bảo	
139.	Nguyễn Thị Châu	
140.	Nguyễn Hữu Thanh	
141.	Võ Tiến Bình	
142.	Lê Thị Ty	
143.	Tạ Công Tuấn	
144.	Trịnh Ngọc Hải	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
145.	Nguyễn Tấn Tương Lai	
146.	Nguyễn Thị Mỹ Nhân	
147.	Nguyễn Thị Thanh Nhân	
148.	Nguyễn Thị Lệ Hà	
149.	Võ Duy Thiện	
150.	Đinh Trọng Nghi	
151.	Nguyễn Thị Bằng	
152.	Nguyễn Gia Hoàng	
153.	Nguyễn Thị Lệ	
154.	Nguyễn Văn Trọng	
155.	Trương Quang Thanh	
156.	Lý Ngọc Tú	
157.	Nguyễn Văn Hòa	
158.	Ngô Duy Đoan	
159.	Lê Công Trường	
160.	Nguyễn Anh Dũng	
161.	Trần Quang Dũng	
162.	Mai Phi Hải	
163.	Mai Thanh Long	
164.	Nguyễn Ánh	
165.	Huỳnh Thị Tỳ	
166.	Cao Thị Thu Sương	
167.	Nguyễn Thị Bích Phúc	
168.	Bùi Thị Ánh Hoa	
169.	Phan Thị Châu	
170.	Ngô Phương	
171.	Dương Thành Cảnh	
172.	Nguyễn Thị Thanh Viễn	
173.	Đỗ Thị Thanh Liêm	
174.	Ngô Thị Phương Đông	
175.	Lê Hồng Quang	
176.	Ngô Tấn Duẩn	
177.	Nguyễn Thanh Hải	
178.	Nguyễn Thanh Hà	
179.	Nguyễn Minh Cảnh	
180.	Võ Đại Quảng	
181.	Nguyễn Văn Tuấn	
182.	Nguyễn Quốc Đạt	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
183.	Lê Văn Tôn	
184.	Lê Thị Sương	
185.	Trần Trọng Sơn	
186.	Phạm Thị Tín	
187.	Đinh Thị Thể	
188.	Nguyễn Thị Thanh	
189.	Lê Thị Nhung	
190.	Nguyễn Hoàng Ninh	
191.	Huỳnh Thị Phương Dung	
192.	Lê Minh Phụng	
193.	Trần Văn Định	
194.	Nguyễn Công Toàn	
195.	Nguyễn Văn Hiếu	
196.	Nguyễn Thị Huyền	
197.	Trương Ngọc Nhi	
198.	Nguyễn Duy Sắc	
199.	Phạm Phú Thành	
200.	Đỗ Cao Bảo	
201.	Nguyễn Đức Hùng	
202.	Nguyễn Xuân Hoàng	
203.	Phạm Văn Long	
204.	Phan Thanh Tùng	
205.	Võ Thức	
206.	Lê Trường Duy	
207.	Nguyễn Anh Tuấn	
208.	Nguyễn Văn Thương	
209.	Nguyễn Thị Nương	
210.	Nguyễn Thành Công	
211.	Phạm Nhì	
212.	Nguyễn Thị Xuân Thảo	
213.	Đào Thị Mỹ Duyên	
214.	Trần Hữu Minh Vũ	
215.	Đỗ Hồng Hải	
216.	Nguyễn Thị Hồng Vọng	
217.	Trần Thị An	
218.	Nguyễn Trọng Nguyên	
219.	Trần Văn Nhựt	
220.	Lưu Thị Thúy Lan	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
221.	Trần Thị Thu Thảo	
222.	Phạm Thanh Sơn	
223.	Lê Trữ	
224.	Nguyễn Văn Tám	
225.	Nguyễn Văn Duy	
226.	Tạ Thanh Sỹ	
227.	Tạ Thị Thu Hồng	
228.	Nguyễn Lộc	
229.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	
230.	Nguyễn Thị Thanh	
231.	Nguyễn Văn Đồng	
232.	Võ Thị Minh	
233.	Nguyễn Thị Lê Quyên	
234.	Nguyễn Khoán	
235.	Vũ Lê Hùng	
236.	Trần Quang Hy	
237.	Nguyễn Dụ	
238.	Nguyễn Văn Tín	
239.	Nguyễn Ngọc Thịnh	
240.	Nguyễn Văn Thạch	
241.	Vũ Hoài Phong	
242.	Nguyễn Quang Minh	
243.	Bùi Tấn Pháp	
244.	Võ Lai	
245.	Huỳnh Thị Chí	
246.	Bùi Mạnh Dũng	
247.	Nguyễn Thị Hạnh	
248.	Lê Tấn Hiệp	
249.	Bùi Văn Hậu	
250.	Trần Sơn Châu	
251.	Trần Huy Tuấn	
252.	Trần Huy Khanh	
253.	Lê Bính	
254.	Lê Văn Hoàng	
255.	Huỳnh Duy	
256.	Huỳnh Cung	
257.	Trần Minh Thiện	
258.	Bùi Đình Hưng	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
259.	Lê Vạn	
260.	Nguyễn Văn Sơn	
261.	Huỳnh Phước	
262.	Trần Văn Hưng	
263.	Dương Ngọc Khanh	
264.	Dương Ngọc Khương	
265.	Tạ Đình Quảng	
266.	Lê Nguyên Trung	
267.	Lê Nguyên Tượng	
268.	Phan Thái Sơn	
269.	Lê Thị Yến	
270.	Võ Minh Đức	
271.	Nguyễn Bá Minh	
272.	Nguyễn Phú Trưởng	
273.	Nguyễn Tấn Tùng	
274.	Võ Văn Hải	
275.	Võ Thế Minh	
276.	Nguyễn Tấn Dục	
277.	Nguyễn Dũng	
278.	Phan Xuân Minh	
279.	Hồ Thị Ngõ	
280.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	
281.	Phạm Việt Lệ	
282.	Võ Dương Phong	
283.	Lê Thắng	
284.	Trần Thị Ái Xuân	
285.	Nguyễn Tấn Tín	
286.	Võ Phúc Duy	
287.	Đỗ Ngọc Tài	
288.	Đoàn Vâng	
289.	Nguyễn Ngọc Anh	
290.	Lê Ngọc Kỹ	
291.	Nguyễn Thị Cẩm	
292.	Huỳnh Tấn Tùng	
293.	Tạ Thị Thu Sương	
294.	Hồ Minh Tân	
295.	Tổng Thiện Thủy	
296.	Tạ Đình Khôi	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
297.	Nguyễn Minh Hoàng	
298.	Tạ Anh Tuấn	
299.	Phan Duy Hưng	
300.	Trần Phước Hậu	
301.	Nguyễn Đức Thuận	
302.	Phạm Cao Vy	
303.	Nguyễn Tân	
304.	Nguyễn Ngọc Lễ	
305.	Nguyễn Thọ Thanh	
306.	Nguyễn Tấn	
307.	Tạ Thị Mộng A	
308.	Trương Đào	
309.	Tạ Đình Khải	
310.	Phạm Đức Toàn	
311.	Tạ Đình Thân	
312.	Lê Thị Thanh Nga	
313.	Phạm Văn Nhân	
314.	Tạ Thiện	
315.	Võ Thị Ân	
316.	Phạm Thị Bộ	
317.	Nguyễn Văn Thọ	
318.	Lê Trung Chiến	
319.	Trương Thị Mỹ Duyên	
320.	Huỳnh Thanh Hùng	
321.	Nguyễn Đăng Khoa	
322.	Nguyễn Cường	
323.	Trần Vương Mai Phương	
324.	Nguyễn Huỳnh Tân	
325.	Võ Văn Đạt	
326.	Huỳnh Thị Thương	
327.	Nguyễn Thị Chín	
328.	Nguyễn Thị Mai	
329.	Đỗ Thị Sĩ	
330.	Huỳnh Tấn Ý	
331.	Phạm Thị Kim Anh	
332.	Huỳnh Tấn Thắng	
333.	Nguyễn Phúc Nhân	
334.	Nguyễn Đỗ Thanh Hà	

STT	Tên hộ gia đình	Ghi chú
335.	Võ Thị Chờ	
336.	Võ Thị Hoàng	
337.	Nguyễn Hữu Huệ	
338.	Nguyễn Đôm	
339.	Trần Mỹ	
340.	Võ Thành Trí	
341.	Huỳnh Tấn Nga Em	
342.	Tạ Phụ	
343.	Đặng Thị Minh Nguyệt	
344.	Trương Thanh Hải	
345.	Tạ Thị Phương Trâm	
346.	Lê Thị Bích Liên	
347.	Nguyễn On	
348.	Phạm Thị Kim Dung	
349.	Nguyễn Ngọc	
350.	Nguyễn Đỗ Thanh Hải	
351.	Phạm Tuấn Hưng	
352.	Huỳnh Tấn Tuyên	
353.	Đào Văn Tuấn	
354.	Tạ Thị Minh Nguyệt	
355.	Trần Lưu Thị Bình Luyện	
356.	Kiều Đắc Khiếu	
357.	Nguyễn Văn Khảm	
358.	Hồ Văn Cư	
359.	Nguyễn Đỗ Thanh Huy	
360.	Nguyễn Thế Truyền	
361.	Nguyễn Hoàng Dương	
362.	Huỳnh Văn Tấn	
363.	Nguyễn Hoàng Long	
364.	Trần Thị Thúy	
365.	Nguyễn Thị Lệ	
366.	Nguyễn Thị Tuyết Nga	
367.	Nguyễn Nhân	
368.	Trần Thị Thùy Duyên	
369.	Nguyễn Thị Thoàng	
370.	Nguyễn Thị Mai Thanh	
371.	Phạm Thị Phương Nghi	
372.	Tạ Duy Lâm	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
373.	Tạ Ngọc Trí	
374.	Nguyễn Ký	
375.	Tạ Linh Cường	
376.	Tạ Ngọc Trí	
377.	Tạ Ngọc Duy	
378.	Huỳnh Thị Thoa	
379.	Hoàng Văn Ngoãn	
380.	Bùi Văn Trí	
381.	Huỳnh Xuân Bình	
382.	Huỳnh Xuân Thanh	
383.	Trần Tuyên Phước	
384.	Lê Tuấn Trí	
385.	Lê Tuấn Toàn	
386.	Huỳnh Ngọc Trúc	
387.	Phan Thanh Dũng	
388.	Trần Thị Hòa	
389.	Tạ Thị Lớn	
390.	Tạ Đình Cương	
391.	Nguyễn Thị Hậu	
392.	Nguyễn Công Quý	
393.	Trần Tuyên Thanh	
394.	Nguyễn Một	
395.	Nguyễn Thị Ngọc Mai	
396.	Trần Thị Kim Liên	
397.	Bùi Thị Kim Lộc	
398.	Hồ Hoài Niệm Viễn	
399.	Phạm Văn Sung	
400.	Mai Văn Khánh	
401.	Nguyễn Thị Sang	
402.	Trần Quốc Hùng	
403.	Nguyễn Thanh Dũng	
404.	Huỳnh Thanh Trọng	
405.	Lê Đại Dương	
406.	Lê Thị Vàng	
407.	Lê Quý	
408.	Tạ Đình Kha	
409.	Trần Dũng	
410.	Nguyễn Tấn Thành	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
411.	Nguyễn Thọ	
412.	Trần Điều	
413.	Nguyễn Thị Hoa (Minh)	
414.	Nguyễn Thị Quyên	
415.	Huỳnh Văn Minh	
416.	Nguyễn Lưu	
417.	Lê Đại Bình	
418.	Tạ Công Mỹ	
419.	Trương Kỳ Tạ Thị Mỹ Linh	
420.	Trần Đức Khánh	
421.	Phạm Ngọc Huy	
422.	Huỳnh Đỗ Hưng	
423.	Huỳnh Thị Việt	
424.	Nguyễn Văn Phú	
425.	Trần Thị Kim Hải	
426.	Trần Thị Kim Dung	
427.	Nguyễn Văn Quang	
428.	Lê Thị Thu Hương	
429.	Tạ Đình Khai	
430.	Trần Hân	
431.	Trần Thị Kim Vân	
432.	Nguyễn Văn Trí	
433.	Phạm Tú Nam	
434.	Huỳnh Thị Tạ	
435.	Huỳnh Minh Thanh	
436.	Huỳnh Thị Kỳ Anh	
437.	Nguyễn Thanh Chín	
438.	Trần Thế Bảo	
439.	Nguyễn Hữu Dư	
440.	Nguyễn Thị Kim Yên	
441.	Tạ Công Kháng	
442.	Võ Hồng Sơn	
443.	Tạ Duy Lâm	
444.	Võ Anh Tuấn	
445.	Phạm Lê Nam	
446.	Nguyễn Phước Hòa	
447.	Nguyễn Văn Tám	
448.	Trương Hữu Đại	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
449.	Nguyễn Thị Nhung	
450.	Vương Thanh Lưu	
451.	Phạm Hà Huy	
452.	Lê Thị Thảo	
453.	Phan Xuân Hưng	
454.	Nguyễn Văn Nam	
455.	Nguyễn Thị Lệ Huyền	
456.	Nguyễn Tấn Châu	
457.	Trần Quang Định	
458.	Nguyễn Quốc Trí	
459.	Lê Nhật Bảo	
460.	Nguyễn Thanh Tuấn	
461.	Nguyễn Đức Hùng	
462.	Nguyễn Thế Thuyền	
463.	Nguyễn Văn Quý	
464.	Tạ Ngọc Triết	
465.	Tạ Ngọc Thạch	
466.	Phan Thị Bích Thoa	
467.	Trần Trung Mai	
468.	Lê Văn Tường	
469.	Tạ Đình Thế	
470.	Tạ Linh Vũ	
471.	Huỳnh Ba	
472.	Huỳnh Thọ	
473.	Thái Văn Đế	
474.	Võ Thị Tây Phương	
475.	Đặng Văn Thanh	
476.	Tạ Ngọc Trai	
477.	Hồ Văn Đức	
478.	Lê Đình Thạnh	
479.	Lê Đại Bình	
480.	Nguyễn Văn Cảnh	
481.	Nguyễn Điền Trung	
482.	Nguyễn Thế Cần	
483.	Lê Nhật Bảo	
484.	Nguyễn Thanh Sơn	
485.	Cao Khoa	

STT	Tên họ gia đình	Ghi chú
486.	Đặng Văn Thông	
487.	Đặng Văn Thuận	
488.	Trịnh Văn Sĩ	
489.	Phan Anh Tú	
490.	Nguyễn Ngọc Trân	
491.	Văn Thị Mỹ Duyên	
492.	Nguyễn Văn Liêm	
493.	Nguyễn Phát Thành Luận	
494.	Nguyễn Văn Bôn	
495.	Ngô Tấn Đoan	
496.	Nguyễn Anh Giáp	
497.	Nguyễn Văn Cầu	
498.	Lương Quyền Thắng	
499.	Đặng Thị Ngọa Hoa	
500.	Bùi Thị Có	
501.	Lưu Phan Khiêm	
502.	Tạ Thị Ngọc Lan	